TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 23/7/2025
Về việc: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Đặng Thanh Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

Bà **Phạm Hồng Gái**

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang tham phiên tòa: Không.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 218/2025/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc: "*Xin ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Võ Văn Hùng E**, sinh năm 1976 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 1 khu phố M, xã M, tỉnh A.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Bé S**, sinh năm 1977 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 1 khu phố M, xã M, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Võ Văn Hùng E trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Anh Võ Văn Hùng E và chị Nguyễn Thị Bé S tự tìm hiểu yêu thương nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý và tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/5/1997. Thời gian đầu, vợ chồng sống rất

hạnh phúc, tuy nhiên thời gian sau thì anh chị sống không hòa thuận, cãi vã thường xuyên, bất đồng quan điểm, dù đã cố hàn gắn nhưng vẫn không cải thiện. Anh Hùng E và chị Bé S đã sống ly thân hơn 05 năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn được. Do đó, anh Hùng E yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bé S.

- Về con chung: Anh Võ Văn Hùng E và chị Nguyễn Thị Bé S trong thời gian chung sống có hai người con chung tên Võ Ngọc Định T, sinh ngày 24/01/1998 và Võ Văn Hùng T, sinh ngày 20/11/2003 cả hai con chung đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Võ Văn Hùng E và chị Nguyễn Thị Bé S không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Võ Văn Hùng E và chị Nguyễn Thị Bé S không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai ngày 10/6/2025 chị Nguyễn Thị Bé S trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé S đồng ý ly hôn với anh Võ Văn Hùng E.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bé S và anh Võ Văn Hùng E trong thời gian chung sống có hai người con chung tên Võ Ngọc Định T, sinh ngày 24/01/1998 và Võ Văn Hùng T, sinh ngày 20/11/2003 cả hai con chung đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn anh Võ Văn Hùng E yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị Bé S. Bị đơn cư trú tại khu phố M, xã M, tỉnh A. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc "Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân".

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Võ Văn Hùng E và bị đơn chị Nguyễn Thị Bé S có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử

trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn anh Võ Văn Hùng E và bị đơn chị Nguyễn Thị Bé S tại phiên tòa.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định anh Võ Văn Hùng E và chị Nguyễn Thị Bé S tự tìm hiểu yêu thương nhau, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/5/1997. Như vậy, hôn nhân giữa anh Võ Văn Hùng E và chị Nguyễn Thị Bé S là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện anh Võ Văn Hùng E yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bé S do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được. Do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi và anh chị đã sống ly thân hơn 05 năm nay. Không có quan tâm, hỏi han hay chăm sóc nhau. Điều này đã được chị Nguyễn Thị Bé S thừa nhận và cũng đồng ý ly hôn với anh Võ Văn Hùng E không có nguyện vọng muốn hàn gắn, đoàn tụ. Từ những chứng cứ nêu trên có căn cứ để chứng minh được mối quan hệ hôn nhân giữa anh Hùng E và chị Bé S đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không đạt được mục đích. Nên việc anh Hùng E xin ly hôn với chị Bé S Hội đồng xét thấy có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Anh Võ Văn Hùng E và chị Nguyễn Thị Bé S xác định anh chị có hai người con chung tên Võ Ngọc Định T, sinh ngày 24/01/1998 và Võ Văn Hùng T, sinh ngày 20/11/2003 cả hai con chung đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử miễn xét.

[3.3] Về tài sản chung: Anh Võ Văn Hùng E và chị Nguyễn Thị Bé S xác định anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3.4] Về nợ chung: Anh Võ Văn Hùng E và chị Nguyễn Thị Bé S xác định anh chị không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh Võ Văn Hùng E phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng các Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn Hùng E.

1/. Về hôn nhân: Anh Võ Văn Hùng E được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bé S.

2/. Về con chung: Anh Võ Văn Hùng E và chị Nguyễn Thị Bé S có hai người con chung tên Võ Ngọc Định T, sinh ngày 24/01/1998 và Võ Văn Hùng T, sinh ngày 20/11/2003 cả hai con chung đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không xét.

3/. Về tài sản chung: Anh Võ Văn Hùng E và chị Nguyễn Thị Bé S không có.

4/. Về nợ chung: Anh Võ Văn Hùng E và chị Nguyễn Thị Bé S không có.

5/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Võ Văn Hùng E phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Võ Văn Hùng E đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011265 ngày 15/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – An Giang). Theo đó anh Hùng E không phải nộp thêm.

6/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS khu vực 4 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- UBND xã Mỹ Thuận;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thanh Sang